

NGHIÊN CỨU ĐỐI CHIẾU ẨN DỤ TRI NHẬN VỀ BIỂN TRONG CÁC BÀI HÁT TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT

A CONTRASTIVE STUDY OF CONCEPTUAL METAPHOR RELATED TO “SEA”/ “BIỂN” IN ENGLISH AND VIETNAMESE SONGS

Hồ Thị Kiều Oanh¹, Huỳnh Thị Mỹ Dung²

¹Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng; oanhhoekieudhnn@yahoo.com

²Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng; dunghtm@dau.edu.vn

Tóm tắt - Ẩn dụ vốn là một biện pháp tu từ hiệu quả để chuyển tải hàm ý của các tác phẩm thi ca. Những năm gần đây, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của ngôn ngữ học tri nhận, ẩn dụ tri nhận chiếm vị trí ưu thế trong cách cảm thụ các tác phẩm thi ca, nghệ thuật. Cho tới nay đã có nhiều nghiên cứu về ẩn dụ tri nhận về *tình yêu, cuộc đời, cái chết, thời gian, thân phận con người*, tuy nhiên hầu như chưa có nghiên cứu nào đối chiếu ẩn dụ tri nhận về hình ảnh *biển* trong các bài hát tiếng Anh và tiếng Việt. Do đó, đề tài này được thực hiện nhằm giúp người Việt học tiếng Anh cũng như người Anh học tiếng Việt nhận thức sâu hơn về ẩn dụ tri nhận trong các bài hát tiếng Anh và tiếng Việt để có thể áp dụng trong việc dịch thuật nói chung và dịch bài hát nói riêng.

Từ khóa - tần suất; tần số; miền nguồn; miền đích; ẩn dụ cấu trúc; ẩn dụ định hướng; ẩn dụ bản thể.

1. Đặt vấn đề

1.1. Đặt vấn đề

Với hơn ba phần tư diện tích đất nước được bao phủ bởi đường biển dài, từ bao đời nay, *biển* đã trở thành một phần thiêng liêng không thể thiếu trong đời sống vật chất cũng như tinh thần của con người Việt Nam. Tương tự, nước Anh và nước Mỹ cũng được bao quanh bởi *đại dương* bao la. Thế nên trong những năm qua có rất nhiều nhạc sĩ đã thai nghén và cho ra đời vô số bài hát, mà thông qua hình ảnh *biển* tác giả muốn gửi gắm bao nỗi niềm khác nhau. Để cảm thụ được những hàm ý này, qua biện pháp tu từ ẩn dụ tri nhận, người Việt học tiếng Anh cũng như người Anh học tiếng Việt vấp phải nhiều khó khăn. Phải chăng chính sự khác biệt và đa dạng về văn hóa giữa tiếng Anh và tiếng Việt khiến cho cách cảm nhận hình ảnh *biển* trong các bài hát tiếng Anh và tiếng Việt có nhiều nét khác biệt? Do đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm đối chiếu ẩn dụ tri nhận về *biển* trong các bài hát tiếng Anh và tiếng Việt để giúp người dạy, người học tiếng Anh và tiếng Việt hiểu sâu sắc hơn về ẩn dụ tri nhận, từ đó giúp họ cảm thụ các bài hát tiếng Anh và tiếng Việt tốt hơn. Ngoài ra, nghiên cứu này còn giúp người yêu nhạc hiểu sâu hơn về các đặc trưng văn hóa thể hiện trong các bài hát cũng như nâng cao tính chính xác và hiệu quả trong việc dịch thuật lời nhạc.

1.2. Giải quyết vấn đề

Bài viết được tiến hành dựa trên những phương pháp nghiên cứu cơ bản sau:

- Phương pháp miêu tả đặc điểm ẩn dụ tri nhận về *biển* trong các bài hát tiếng Anh và tiếng Việt được sử dụng cùng với sự hỗ trợ của các phương tiện thu thập dữ liệu như Internet, các tuyển tập nhạc.

- Phương pháp so sánh dựa trên phương pháp định tính và định lượng, giúp tìm ra điểm tương đồng và khác biệt

Abstract - Metaphor has long been used as an effective stylistic device to convey implicatures in both poems and songs. In recent years, with the strong development of cognitive linguistics, conceptual metaphor has taken a dominant role in the perception of artistic and poetical works. Up to now there have been many studies on conceptual metaphors of *love, life, death, time, human fate*, etc; however, there is hardly a contrastive study of the conceptual metaphor related to the image of *the sea* in English songs versus Vietnamese ones. Therefore, this paper is to help Vietnamese learners of English and English learners of Vietnamese be more aware of the conceptual metaphor used in English and Vietnamese songs to apply this to translation in general and song translation in particular.

Key words - frequency; number; source domain; target domain; structural metaphor, orientational metaphor, ontological metaphor.

về những đặc điểm ẩn dụ tri nhận liên quan đến *biển* trong các bài hát tiếng Anh và tiếng Việt.

1.3. Sơ lược về ẩn dụ tri nhận

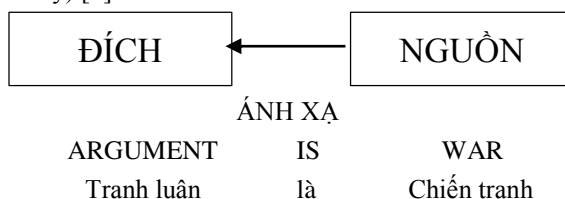
Ẩn dụ tri nhận được phân thành 3 loại như sau:

1.3.1. Ẩn dụ cấu trúc (Structural metaphor)

Ẩn dụ cấu trúc là loại ẩn dụ khi nghĩa (hoặc giá trị) của một từ (hay một biểu thức) này được hiểu (được đánh giá) thông qua cấu trúc của một từ (hoặc một biểu thức) khác [1].

Ẩn dụ cấu trúc liên quan đến hai miền ý niệm: MIỀN NGUỒN (Source domain) và MIỀN ĐÍCH (Target domain). Ý niệm tại miền đích được hiểu thông qua ý niệm tại miền nguồn. Quan hệ giữa miền nguồn và miền đích là quan hệ ánh xạ, nghĩa là nội dung của ý niệm tại miền đích được phản chiếu từ ý niệm tại miền nguồn. Ví dụ (dẫn theo Lakoff và Johnson) [2]:

ARGUMENT IS WAR (“Tranh luận là chiến tranh”), trong đó WAR thuộc miền nguồn, ARGUMENT thuộc miền đích. Ý niệm WAR “chiến tranh” giúp chúng ta hiểu nghĩa của ý niệm ARGUMENT “tranh luận” (xem sơ đồ dưới đây) [2].



Hình 1. Ẩn dụ tranh luận là chiến tranh

1.3.2. Ẩn dụ định hướng (Orientational metaphor)

Ẩn dụ định hướng cấu trúc hoá một số miền và tạo nên một hệ thống ý niệm hoá chung cho chúng; chúng liên quan đến việc định hướng trong không gian với những kiểu đối

lập như “lên-xuống”, “vào-ra”, “sâu-cạn”, “trung tâm-ngoại vi” v.v. Chẳng hạn, trong tiếng Anh, “hạnh phúc, sức khỏe, có ý thức, hợp lý” được miêu tả thông qua ẩn dụ up (trên, lên), trong khi đó “bất hạnh, bệnh hoạn, chết chóc” - thông qua ẩn dụ down (dưới, xuống) [1].

Ẩn dụ định hướng khác với ẩn dụ cấu trúc ở chỗ nó là một loại ẩn dụ ý niệm khi không có sự xếp đặt lại về mặt cấu trúc một ý niệm này trong thuật ngữ của một ý niệm khác, nhưng có tồn tại tổ chức của cả một hệ thống ý niệm theo mẫu của một hệ thống nào đó khác. Những trường hợp như vậy ta gọi là ẩn dụ định hướng, bởi vì đa số những ẩn dụ tương tự có liên quan đến sự định hướng không gian với những cặp đối lập kiểu “trên-dưới”, “trong-ngoài”, “trước-sau”, “sâu-nông”, “trung tâm-ngoại vi”. Những cặp đối lập định hướng tương tự xuất phát từ chỗ thân thể của chúng ta có những thuộc tính nhất định và hoạt động theo một kiểu nhất định trong thế giới vật lí xung quanh ta. Những ẩn dụ định hướng tạo cho ý niệm giá trị định hướng không gian, chẳng hạn, “HAPPY IS UP” (Hạnh phúc hướng lên trên). Ý niệm “hạnh phúc” được định hướng lên trên (the concept “happy is oriented UP”) và được biểu đạt trong tiếng Anh là “I’m feeling up today” “Hôm nay tôi cảm thấy (phấn chấn) lên” [2].

1.3.3. Ẩn dụ bản thể (ontological metaphor)

Là loại ẩn dụ mà trong đó những khái niệm trừu tượng như hoạt động, tình cảm, ý tưởng được biểu hiện như những thực thể, chẳng hạn như vật thể, vật chất, vật chứa hay con người. Ẩn dụ tri nhận bao gồm ẩn dụ vật chứa, ẩn dụ thực thể, ẩn dụ vật chất, nhân hóa [2].

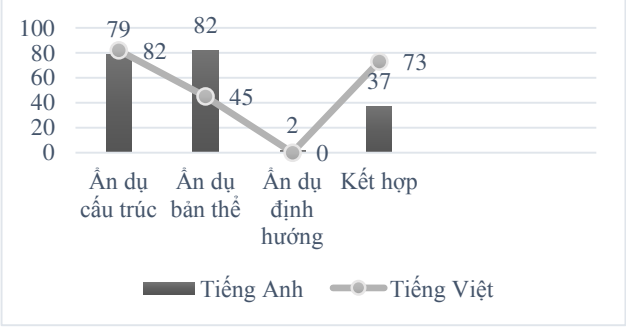
Ẩn dụ vật chứa là loại ẩn dụ bản thể mà trong đó một số ý niệm được biểu hiện có bên trong và bên ngoài, hoặc có thể chứa được vật khác.

Ẩn dụ thực thể là loại ẩn dụ bản thể mà trong đó những khái niệm trừu tượng được biểu hiện như một thực thể.

Ẩn dụ vật chất là loại ẩn dụ bản thể mà trong đó những khái niệm trừu tượng, chẳng hạn như sự kiện, hoạt động, tình cảm hoặc ý tưởng được biểu hiện như là vật chất.

Nhân hóa là hình thức đặc biệt của ẩn dụ bản thể mà trong đó những thực thể không phải con người được ví như con người.

2. Kết quả nghiên cứu và khảo sát về ẩn dụ tri nhận về biển trong các bài hát tiếng Anh và tiếng Việt



Hình 2. Tần số và tần suất xuất hiện của ẩn dụ cấu trúc trong các bài hát tiếng Anh và tiếng Việt

Thông qua nguồn dữ liệu thu thập được gồm 200 mẫu về biển trong bài hát tiếng Anh và 200 mẫu về biển trong bài hát tiếng Việt, chúng tôi nhận thấy ẩn dụ tri nhận về biển trong tiếng Anh và tiếng Việt được biểu hiện qua 9 loại ẩn

dụ tri nhận sau: biển là thực thể sống, trong đó cụ thể biển là người yêu và biển là con người, biển là đất nước, biển là tình yêu, biển là khổ đau, biển là khó khăn, thách thức, biển là cuộc đời, biển là vật chứa, biển là thuộc tính của thực thể hoặc khái niệm trừu tượng, biển là thực thể.

Cùng với nguồn dữ liệu thu thập được, chúng tôi nhận thấy rằng ẩn dụ tri nhận thường được biểu hiện dưới hình thức ẩn dụ cấu trúc, ẩn dụ bản thể, ẩn dụ định hướng và sự kết hợp giữa các loại ẩn dụ như được trình bày ở Hình 2.

Bảng 1. Các loại ẩn dụ tri nhận về biển trong các bài hát tiếng Anh và tiếng Việt

STT	Ẩn dụ tri nhận		Tiếng Anh		Tiếng Việt	
			Tần số (NA)	Tần suất (FA)	Tần số (NV)	Tần suất (Fv)
1	Biển là thực thể sống	Người yêu	16	8%	49	24,5%
		Con người	4	2%	8	4%
2	Biển là đất nước		0	0%	54	27%
3	Biển là tình yêu		0	0%	24	12%
4	Biển là khổ đau		19	9,5%	9	4,5%
5	Biển là khó khăn		57	28,5%	9	4,5%
6	Biển là cuộc đời		27	13,5%	28	14%
7	Biển là vật chứa		48	24%	10	5%
8	Biển là tính chất của thực thể		20	10%	8	4%
9	Biển là thực thể		9	4,5%	1	0,5%
	Tổng		200	100%	200	100%

Từ Bảng 1, chúng ta có thể thấy các dữ liệu thu thập được sắp xếp theo các loại ẩn dụ sau:

2.1. Biển là thực thể sống: biển là người yêu và biển là con người

Quan sát các con số cụ thể ở Bảng 1, chúng ta thấy ẩn dụ biển là người yêu chiếm tần số NA = 16 # FA = 8% trong tiếng Anh, trong khi đó con số này lên đến NV = 49 # FV = 24,5% trong tiếng Việt.

(1) Biển sóng biển sóng đừng xô tôi. Đừng xô tôi ngã dưới chân người. Biển sóng biển sóng đừng xô nhau. Ta xô biển lại sóng về đâu? Biển sóng biển sóng đừng trôi xa. Bao năm chờ đợi sóng gần ta. Biển sóng biển sóng đừng âm u. Đừng nuôi trong ấy trái tim thù.

(Trịnh Công Sơn, 1995. Sóng Về Đâu)

(2) Lonely rivers flow to the sea, to the sea. To the waiting arms of the sea. Lonely rivers cry, wait for me, wait for me. To the open arms, wait for me.

(Elvis Presley, 1977. Unchained Melody)

Tương tự, ẩn dụ biển là con người chỉ chiếm NA = 4 (# FA = 2%) trong tiếng Anh, trong khi đó trong tiếng Việt có đến NV = 8 (# FV = 4%) loại ẩn dụ này.

(3) Chúng con sinh ra khi nước còn chia cắt. Nỗi nhớ Bắc Hồ dâng đặc đêm miền trung. Để sớm nay con đi giữa đoàn quân. Trong gió biển chan hoà theo dấu chân Bắc.... Khúc tiễn đưa Bắc đến bến Nhà Rồng. Biển muôn đời hát mãi nỗi nhớ mong.

(Thuận Yến, (1987). Miền Trung Nhớ Bắc)

(4) I heard your heart, you held it close to me. The wild embrace the silent sea, a whisper of imagery for Lovers

Supreme. But now I'm lost in the crowd, no shadow of a doubt.

(Roxette, 2009. *Shadow Of A Doubt*)

2.2. Biển là đất nước

Theo Bảng 1, ẩn dụ *biển là đất nước* chỉ xuất hiện trong tiếng Việt với tần số $N_V = 54$ ($\# F_V = 27\%$), chúng ta hãy xét ví dụ sau:

(5) Ru con, mẹ ru con tiếng ru cả cuộc đời. Ru con lời ru cất lên từ ngàn đời. *Biển xanh xanh* trời xanh xanh. Cho con bao hy vọng. Rừng xanh xanh dòng sông xanh. Cho con bao hy vọng. Lửa đã cháy ở phía trước. Lửa sáng mãi *tình đất nước*.

(Văn Thành Nho, 1983. *Đất Nước Lời Ru*)

2.3. Biển là tình yêu

Biển là tình yêu cũng là loại ẩn dụ chỉ xuất hiện trong tiếng Việt với tần số $N_V = 24$ ($\# F_V = 12\%$), trong khi đó trong bài hát tiếng Anh không xuất hiện loại ẩn dụ tri nhận này.

(6) Tình yêu mật ngọt. Mật ngọt trên môi. Tình yêu mật đắng. Mật đắng trong đời. *Tình yêu như biển*. Biển rộng hai vai. Biển rộng hai vai. Tình yêu như biển. Biển hẹp tay người. Biển hẹp tay người lạc lối.

(Trịnh Công Sơn, 1987. *Lặng Lẽ Nơi Đây*)

2.4. Biển là khổ đau

Theo Bảng 1, ẩn dụ *biển là khổ đau* xuất hiện với tần số $N_A = 19$ ($F_A = 9,5\%$) trong tiếng Anh so với $N_V = 9$ ($\# F_V = 4,5\%$) trong tiếng Việt. Chúng ta hãy xét các ví dụ minh họa sau:

(7) Đóa hồng em mang tới *ru ta vào biển tội*, yêu người ta không nói. Em ơi, nhưng lòng ta chơi vơi...

(Hoàng Thi Thơ, 1973. *Hoa Hồng Một Đóa*)

(8) I'm just a faceless body *lost in this vast and worthless sea*. In a thousand people I do not know. But really they are no different from me. They all have passion. They all have fear. They all have intense confusion.

(Sting, 1986. *I've been Down So Long*)

2.5. Biển là khó khăn, thách thức

Ẩn dụ tri nhận *biển là khó khăn, thách thức* chiếm một lượng lớn trong tiếng Anh với tần số $N_A = 57$ ($\# F_A = 28,5\%$), trong khi đó nó chỉ chiếm tần số $N_V = 9$ ($\# F_V = 4,5\%$) trong tiếng Việt.

(9) Hòa bình ơi! Tình yêu em như sông *biển rộng*. Tình yêu em như lúa ngoài đồng. Tình yêu em *tát cạn*. *Biển Đông*.

(Thông Đạt, 1949. *Tình Em Biển Rộng Sông Dài*)

(10) You raise me up, so I can stand on mountains; *You raise me up, to walk on stormy seas*. I am strong, when I am on your shoulders; You raise me up to more than I can be.

(Westlife, 2005. *You Raise Me Up*)

2.6. Biển là cuộc đời

Quan sát Bảng 1, chúng ta nhận thấy ẩn dụ *biển là cuộc đời* xuất hiện với tần số $N_A = 27$ ($\# F_A = 13,5\%$) trong tiếng Anh, và tần số này cũng xuất hiện tương đương trong tiếng Việt với $N_V = 28$ ($\# F_V = 14\%$).

(11) *Sóng xô dòng nước đổ về biển lớn* hỡi người ơi. Tìm về nguồn câu dân ca xưa em đã hát ai ơi ai ơi. Nước xuôi theo dòng mà con thuyền vẫn lẻ loi.

(Đức Trịnh, 1994, *Ngược Dòng Hương Giang*)

(12) The words have lost their force. You remember your morning. *Flow into the endless sea*. Life's like a river in the morning. *Life's like a sea without end*.

(Scorpions, 1975. *Life's Like A River*)

2.7. Biển là vật chứa

Ẩn dụ *biển là vật chứa* chiếm tần số khá cao trong tiếng Anh, $N_A = 48$ ($\# F_A = 24\%$), trong khi đó nó chỉ chiếm tần số $N_V = 10$ ($\# F_V = 5\%$) trong tiếng Việt. Chúng ta hãy xét ví dụ minh họa sau:

(13) Em đi giữa *biển vàng* nghe mệnh mang trên *đồng lúa hát*. Hương lúa chín thoảng bay làm lung lay hàng cột điện, làm xao động cả rừng cây.

(Bùi Đình Thảo, 1975. *Em Đi Giữa Biển Vàng*)

(14) Well, the golden lamb we sent makes us feel better now. But you know it's just a drop *in a sea of tears*.

(Scorpions, 1995. *White Dove*)

2.8. Biển là tính chất của thực thể

Theo Bảng 1, ẩn dụ *biển là tính chất của thực thể* chiếm tần số $N_A = 20$ ($\# F_A = 10\%$) trong tiếng Anh, trong khi đó nó chỉ chiếm tần số $N_V = 8$ ($\# F_V = 4\%$) trong tiếng Việt.

(15) *Ôi ánh mắt em yêu như trời xanh như biển xanh* trong nắng mới. Nhớ cả dáng hình em mùa gặt nặng đôi vai. Sóng ru mỗi tình đời thủy thủ càng thêm vui.

(Thế Song, 1979, *Nơi Đảo Xa*)

(16) Ringing through the sky, shepherd boy, Do you hear what I hear? A song, a song, high above the trees. *With a voice as big as the sea*.

(Bob Dylan, 2009. *Do You Hear What I Hear?*)

2.9. Biển là thực thể

Ẩn dụ *biển là thực thể* chiếm tần số $N_A = 9$ ($\# F_A = 4,5\%$) trong tiếng Anh, trong khi đó loại ẩn dụ tri nhận này chỉ chiếm tần số $N_V = 1$ ($\# F_V = 0,5\%$) trong tiếng Việt. Sau đây là một số ví dụ minh họa:

(17) Nơi ấy những ánh mắt nhìn nhau rạo rực Tổ quốc. Nơi ấy, tay siết chặt tay canh giữ *biển đảo của ta*.

(Lê Minh Sơn, 2014. *Biển của ta*)

(18) If it takes all night - *gonna swim your sea*. Gonna sail your ocean - gonna shake your tree.

(Bryan Adams, 1991. *Vanishing*)

3. Bàn luận

3.1. Những điểm tương đồng đối với ẩn dụ tri nhận về biển trong các bài hát tiếng Anh và tiếng Việt

Quan sát Bảng 1, chúng ta nhận thấy ẩn dụ tri nhận về *biển* trong các bài hát tiếng Anh và tiếng Việt có nhiều nét tương đồng. Rõ ràng cả tiếng Anh và tiếng Việt đều sử dụng ẩn dụ tri nhận *biển là thực thể sống*, cụ thể là *biển là người yêu*, và *biển là con người*, ẩn dụ *biển là khổ đau*, là *khó khăn*, *thách thức*, là *cuộc đời*, là *vật chứa*, là *thuộc tính của thực thể* hay *khái niệm trừu tượng*, và *biển là một thực thể*. Trong số đó, ẩn dụ *biển là cuộc đời* có vẻ như là ẩn dụ phổ biến trong cả tiếng Anh và tiếng Việt. Bất chấp có sự khác biệt về tần suất xuất hiện, hình ảnh *biển* đều được sử dụng phổ biến trong cả hai ngôn ngữ như là ẩn dụ tri nhận dựa trên những đặc tính chung giữa miền đích *biển* và một số miền nguồn

thể hiện trong Bảng 1. Những đặc tính chung này được khai thác dựa trên những điểm chung về văn hóa giữa văn hóa phương Đông và văn hóa phương Tây. Thực ra, hình ảnh *biển* không chỉ xuất hiện trong văn hóa phương Đông, mà còn xuất hiện trong cả văn hóa phương Tây.

3.2. Những điểm khác biệt đối với ẩn dụ tri nhận về biển trong các bài hát tiếng Anh và tiếng Việt

Bảng 2. Phân loại, so sánh những đặc trưng giữa hai nền văn hóa [3]

TIÊU CHÍ		VĂN HÓA TRỌNG TÍNH (Gốc nông nghiệp)	VĂN HÓA TRỌNG ĐỘNG (Gốc du mục)
Đặc trưng gốc	Địa hình	Đồng bằng (âm, thấp)	Đồng cỏ (khô, cao)
	Nghề chính	Trồng trọt	Chăn nuôi
	Cách sống	Định cư	Du mục
Ứng xử với môi trường tự nhiên		Tôn trọng, sống hoà hợp với thiên nhiên	Coi thường, tham vọng chế ngự thiên nhiên
Lối nhận thức, tư duy		Thiên về tổng hợp và biện chứng (trọng quan hệ), chủ quan, cảm tính và kinh nghiệm	Thiên về phân tích và siêu hình (trọng yếu tố), khách quan, lý tính và thực nghiệm
Tổ chức công đồng (CD)	Nguyên tắc tổ chức CD	Trọng tình, trọng đức, trọng văn, trọng nữ	Trọng sức mạnh, trọng tài, trọng võ, trọng nam
	Cách tổ chức CD	Linh hoạt và dân chủ, trọng cộng đồng	Nguyên tắc và quân chủ, trọng cá nhân
Ứng xử với môi trường xã hội		Dung hợp trong tiếp nhận, mềm dẻo, hiểu hoà trong đối phó	Độc tôn trong tiếp nhận, cứng rắn, hiểu thẳng trong đối phó

Căn cứ vào dữ liệu thu thập được ở Bảng 1, chúng ta nhận thấy so giữa tiếng Anh và tiếng Việt, có một sự khác biệt đáng kể về ẩn dụ tri nhận *biển là đất nước* và *biển là tình yêu*. Ti lệ phân trăm cho thấy rằng, người Việt Nam có xu hướng sử dụng ẩn dụ *biển là đất nước* và *biển là tình yêu* trong khi đó người Anh không có xu hướng này. Cụ thể, ẩn dụ *biển là đất nước* chiếm $N_V = 54$ ($\# F_V = 27\%$), và ẩn dụ *biển là tình yêu* chiếm $N_V = 24$ ($\# F_V = 12\%$) trong tiếng Việt. Điều này có thể được lý giải thông qua sự khác biệt về đặc trưng văn hóa giữa hai ngôn ngữ này. Văn hóa Phương Tây vốn là nền văn hóa du mục, do đa số vùng lãnh thổ là đất liền, đồi núi, cao nguyên; do vậy, dù vẫn được bao phủ bởi đại dương, nhưng *biển* không phải là một trong những yếu tố quan trọng nhất trong đời sống vật chất và tinh thần của con người. Trong khi đó, văn hóa Việt Nam vốn là văn hóa lúa nước với hai đồng bằng lớn là đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long và hơn $\frac{3}{4}$ diện tích đất nước được bao phủ bởi đường bờ biển dài, nên từ bao đời *biển* đã trở thành một phần tất yếu không thể thiếu trong đời sống vật chất và tâm linh của biết bao thế hệ Việt. Theo tiêu chí ứng xử với môi trường tự nhiên của Trần Ngọc Thêm [3], văn hóa Phương Đông tôn trọng, sống hòa hợp với thiên nhiên, còn văn hóa Phương Tây muốn chế ngự thiên nhiên. Chính vì lẽ đó, ẩn dụ *biển là đất nước* và *biển là tình yêu* là những ẩn dụ có tần suất phổ biến trong tiếng Việt do mối quan hệ mật thiết giữa hình ảnh *biển* và con người Việt Nam. Trong đời sống tâm linh của người Việt, *biển* là một hình ảnh thiêng liêng giống như hình ảnh của đất nước vậy. Ngoài ra, từ truyền thuyết Lạc Long Quân - Âu Cơ, có thể nhận thấy từ bao đời nay hình ảnh *biển* đã được gắn với quan niệm về tình yêu trong hệ tư tưởng của con người Việt Nam. Ngược lại, văn hóa Phương Tây với đặc trưng là văn hóa du

mục, cư dân địa phương phải thường xuyên thay đổi chỗ ở, nay đây mai đó, thế nên hình ảnh *mặt trời, núi non, mây gió* mới là hình ảnh được sử dụng nhiều trong thi ca để biểu đạt tình yêu chứ không phải là *biển*. Điều này lý giải tại sao ẩn dụ *biển là tình yêu* không xuất hiện trong các bài hát tiếng Anh.

Một sự khác biệt đáng kể khác có thể tìm thấy ở một số trường nghĩa. *Biển là khổ đau* chiếm tần số $N_A = 19$ ($F_A = 9,5\%$) trong bài hát tiếng Anh, trong khi đó chỉ có $N_V = 9$ ($\# F_V = 4,5\%$) ẩn dụ loại này trong bài hát tiếng Việt. *Biển là khó khăn* chiếm $N_A = 57$ ($\# F_A = 28,5\%$) trong bài hát tiếng Anh, còn trong bài hát tiếng Việt chỉ có chỉ chiếm tần số $N_V = 9$ ($\# F_V = 4,5\%$). Điều này cho thấy quan niệm *biển là khổ đau* hay *biển là khó khăn, gian nan* trong các bài hát tiếng Anh có tần suất xuất hiện cao hơn trong các bài hát tiếng Việt. Điều này là do khác biệt về đặc trưng văn hóa. Từ lâu trong tiếng Anh *biển* đã được xem là một nơi nguy hiểm khôn lường do sự tồn tại của các loài sinh vật biển đáng sợ. Do đó đã dẫn đến quan niệm về hồ sâu của đại dương là vật chứa của những khổ đau và khó khăn, thách thức.

Tương tự, *biển là vật chứa* chiếm tới $N_A = 48$ ($\# F_A = 24\%$) trong tiếng Anh, trong khi đó trong tiếng Việt chỉ có $N_V = 10$ ($\# F_V = 5\%$). Điểm khác biệt lớn này có thể là do tiếng Anh thuộc về nền văn hóa thiên về phân tích và siêu hình trọng yếu tố, khách quan, lý tính và thực nghiệm (Trần Ngọc Thêm [3]), đi từ cái phổ quát trừu tượng (vật chứa) đến cái riêng biệt cụ thể (vật được chứa). Trong khi đó, văn hóa Việt Nam thiên về tổng hợp và biện chứng, chủ quan, cảm tính và kinh nghiệm (Trần Ngọc Thêm [3]), đi từ cái riêng biệt cụ thể (vật được chứa) tới cái phổ quát trừu tượng (vật chứa). Điều này lý giải cho tần suất xuất hiện của ẩn dụ *biển là vật chứa* trong các bài hát tiếng Anh cao hơn trong các bài hát tiếng Việt.

Nhìn chung, sự khác biệt về ẩn dụ tri nhận liên quan đến *biển* trong các bài hát tiếng Anh và tiếng Việt có thể được lý giải thông qua các đặc trưng về văn hóa.

4. Kết luận

Thông qua việc phân tích ẩn dụ tri nhận về *biển* trong các bài hát tiếng Anh và tiếng Việt này, giáo viên có thể giúp sinh viên nhận thức sâu hơn về tính phổ biến và quan trọng của ẩn dụ trong đời sống hàng ngày. Qua đó, giúp sinh viên hiểu thêm bản chất của ẩn dụ tri nhận nói chung và ẩn dụ tri nhận trong các bài hát nói riêng nhằm dạy môn ngữ nghĩa học tri nhận được hiệu quả và thú vị hơn. Đồng thời, hiểu rõ về ẩn dụ, đặc biệt là ẩn dụ tri nhận sẽ giúp cho giáo viên hỗ trợ sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa để giải thích cho cách sử dụng các loại ẩn dụ đó.

Ngoài ra, việc hiểu rõ những yếu tố văn hóa, ngữ nghĩa được chuyển tải thông qua hình thức ẩn dụ tri nhận sẽ giúp công tác dịch thuật, cụ thể là dịch thuật các bài hát được chính xác và hiệu quả hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Kovecses, Z. (2010), *Metaphor: A Practical Introduction*, Second Edition, Oxford University Press, Oxford.
[2] Lakoff, G. & Johnson, M. (1980), *Metaphors We Live By*, University of Chicago Press, Chicago.
[3] Trần Ngọc Thêm (2004), *Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.